

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TL
TỈNH HN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 28/2018/HSST

Ngày: 19- 6 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TL - TỈNH HN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đỗ Quốc Huy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Ngọc Lung.
2. Ông Nguyễn Chí Hiếu.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Thế Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TL, tỉnh HN.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TL tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hải Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TL, tỉnh HN, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 25/2018/TLST-HS ngày 05 tháng 6 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2018/QĐXXST-HS ngày 07/6/2018, đối với bị cáo:

Đỗ Văn T1, tên gọi khác (Đỗ Văn T2), sinh năm 1982; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Thôn ĐH, xã YT, huyện YY, tỉnh ND; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn T3 và bà Nguyễn Thị T4; vợ Lê Thị N1, có 01 con sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú", có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Lê Thị N1 - sinh năm 1977; nơi cư trú: Thôn ĐH, xã YT, huyện YY, tỉnh ND.

2. Bà Đỗ Thị T5 - sinh năm 1948; nơi cư trú: Thôn ĐH, xã YT, huyện YY, tỉnh ND.

3. Chị Đinh Thị Thu H1 - sinh năm 2000; nơi cư trú: Thôn ĐH, xã YT, huyện YY, tỉnh ND.

Phiên tòa vắng mặt: Chị N1, bà T5, chị H1 (đều có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Người làm chứng*: Anh Vũ Bình M1, sinh năm 1977; nơi cư trú: Thôn ĐV, xã TN, huyện TL, tỉnh HN, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tối ngày 24/01/2018, Đỗ Văn T1 đang ở nhà thì nhận được điện thoại của một người nam giới tên M1 (là người T1 quen biết từ trước), trú tại thôn ĐV, xã TN, huyện TL, tỉnh HN, M1 hỏi "Còn pháo không để anh mấy giàn", T1 trả lời "Anh lấy mấy giàn", M1 nói "Anh lấy ba giàn" thì T1 bảo "Vậy khi nào có thì em mang lên cho nhưng với giá một triệu một một giàn nhé", ý T1 nói bán cho M1 03 giàn pháo với giá 1.100.000 đồng/giàn pháo, M1 đồng ý.

Đến khoảng 16 giờ ngày 25/01/2018, M1 gọi điện lại cho T1 hỏi "Có pháo chưa", T1 nói "Có tý nữa em mang lên". Sau khi nghe điện thoại xong, T1 vào gầm cầu thang lấy 03 giàn pháo đi ra cổng định mang đi bán cho M1 thì thấy chị Lê Thị N1 (là vợ của T1) đang điều khiển xe máy điện BKS 18MĐ3 - 039.33 về, T1 nói với N1 "Có rảnh không mang ba hộp pháo lên đưa thẳng M1", N1 đồng ý. T1 lấy 01 hộp pháo để vào cốp xe máy điện, 02 hộp còn lại cho vào túi nilon màu đen để ở vị trí để chân của xe máy điện. N1 điều khiển xe máy điện chở theo 03 hộp pháo đi giao cho M1, trên đường đi đến thôn ĐV Hạ, xã TN, huyện TL thì Lê Thị N1 bị lực lượng Công an huyện TL kiểm tra phát hiện;

Vật chứng, tài sản thu giữ gồm:

- Thu giữ tại giá để chân xe máy điện BKS 18MĐ3 - 039.33 do Lê Thị N1 điều khiển 01 túi nilon màu đen, bên trong có 02 hộp giấy hình chữ nhật bên ngoài có dán giấy màu, trên bề mặt có chữ nước ngoài KT (15 x 15)cm; thu giữ trong cốp xe máy điện 01 hộp giấy hình chữ nhật bên ngoài có dán giấy màu, trên bề mặt có chữ nước ngoài KT (15 x 15)cm, được niêm phong trong thùng cát tông ký hiệu QT01;

- Thu giữ tại túi quần trước bên phải Lê Thị N1 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, bên trong có lắp 01 sim có số thuê bao 01698473119 được niêm phong trong phong bì ký hiệu QT02;

- Tạm giữ của Lê Thị N1 01 xe máy điện BKS 18MĐ3 - 039.33.

Tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Lê Thị N1 (chồng là Đỗ Văn T1) tại thôn ĐH, xã YT, huyện YY, tỉnh ND và kiểm tra mở rộng hiện trường xung quanh nơi ở của Lê Thị N1. Cơ quan CSĐT - Công an huyện TL phát hiện, thu giữ:

- Thu tại bể nước ngầm ngoài hành lang giáp tường phía Bắc trong nhà 01 túi nilon màu đen, bên trong có 01 hộp giấy hình vuông bên ngoài có dán giấy màu, trên bề mặt có chữ nước ngoài có KT (15 x 15)cm (nghỉ là pháo) được niêm phong trong thùng cát tông ký hiệu KX01;

- Thu tại trần nhà tầng 3: 01 túi nilon màu hồng KT (55 x 50)cm, bên trong có 63 quả hình trụ tròn đường kính 4cm, có bọc giấy màu kiểu bìa cát tông, phần trụ quấn giấy màu vàng có chữ nước ngoài màu xanh, tại phần trụ có sợi dây dẫn màu xanh, có chiều dài 27cm (nghỉ là pháo) được niêm phong trong thùng cát tông ký hiệu KX02;

- Thu tại mái nhà phía Tây nhà bà Đỗ Thị T5 - sinh năm 1948, trú tại thôn ĐH, xã YT, huyện YY, tỉnh ND (giáp với lan can tầng 2 phía Bắc nhà T1 - N1):

+ 01 bao tải xác rắn màu xanh, bên trong có 05 hộp giấy hình chữ nhật có dán giấy màu, trên bề mặt có chữ nước ngoài có KT mỗi hộp (15 x 13)cm (nghỉ là pháo) được niêm phong trong thùng cát tông ký hiệu KT01;

+ 295 quả hình trụ tròn đường kính 4cm, có bọc giấy màu kiểu bìa cát tông, phần trụ quấn giấy màu vàng có chữ nước ngoài màu xanh, tại phần trụ có sợi dây dẫn màu xanh, có chiều dài 27cm (nghỉ là pháo) được niêm phong trong thùng cát tông ký hiệu KT02.

Tại bản kết luận giám định số 639/C54-P2 ngày 29/01/2018 của Viện khoa học kỹ thuật hình sự - Bộ Công an, kết luận:

Các mẫu vật gửi giám định đều là pháo hoa, bên trong có chứa thuốc pháo, khi đốt gây ra tiếng nổ. Khối lượng pháo từng loại như sau:

- Mẫu có ký hiệu KT01 là 5kg (năm kilôgam).
- Mẫu có ký hiệu KT02 là 10,2kg (mười phẩy hai kilôgam).
- Mẫu có ký hiệu KX01 là 1,6kg (một phẩy sáu kilôgam).
- Mẫu có ký hiệu KX02 là 2kg (hai kilôgam).
- Mẫu có ký hiệu QT01 là 4,8kg (bốn phẩy tám kilôgam).

Tổng khối lượng pháo là 23,6kg (hai mươi ba phẩy sáu kilôgam).

Về nguồn gốc số pháo đã thu giữ: Đỗ Văn T1 khai, khoảng tháng 10 năm 2017, T1 mua của một người xe ôm (không biết tên tuổi, địa chỉ) ở khu vực Đông Ba, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh với giá 3.000.000 đồng, gồm 09 bộ pháo và 358 quả pháo trứng rồi mang về nhà chia làm bốn phần cất giấu tại nhiều vị trí quanh khu vực mình ở như cơ quan điều tra khám xét thu giữ, với mục đích để sử dụng và bán kiếm lời.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã xác định được nguồn gốc vật chứng và xử lý trả lại 01 xe máy điện BKS 18MĐ3 - 039.33 thu giữ của Lê Thị

N1, là tài sản hợp pháp của chị Định Thị Thu H1 - sinh năm 2000, trú tại thôn ĐH, xã YT, huyện YY, tỉnh ND, chị H1 cho N1 mượn sử dụng. Số vật chứng còn lại chuyển theo hồ sơ vụ án xem xét trong quá trình xét xử.

Bản cáo trạng số 30/CT-VKSTL ngày 05/6/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện TL đã truy tố Đỗ Văn T1 tên gọi khác (Đỗ Văn T2) về tội “Buôn bán hàng cấm” theo điểm c khoản 1 Điều 190 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TL giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Đỗ Văn T1 (Đỗ Văn T2) phạm tội "Buôn bán hàng cấm".

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 190; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự ; Xử phạt Đỗ Văn T1 (Đỗ Văn T2) từ 18 đến 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 36 đến 48 tháng.

- Hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo; buộc bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

- Vật chứng vụ án: Đề nghị tịch thu tiêu hủy toàn bộ số pháo hoa nổ được hoàn trả sau giám định niêm phong trong các thùng cát tông ký hiệu QT01, KT01, KT02, KX01, KX02. Trả lại Lê Thị N1 01 điện thoại Nokia màu đen, bên trong có lắp 01 sim mạng Viettel được niêm phong trong phong bì ký hiệu QT02.

* Bị cáo Đỗ Văn T1 đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện TL, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện TL, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa cũng như tại Cơ quan điều tra, Đỗ Văn T1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như bản cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận của bị cáo được thẩm tra tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của người có

quyền lợi nghĩa vụ liên quan, biên bản khám xét, vật chứng đã thu giữ, bản kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Với mục đích sử dụng và bán kiếm lời, tối ngày 24/01/2018, Đỗ Văn T1 nhờ vợ là Lê Thị N1 mang 03 bộ pháo có trọng lượng 4,8 kg giao bán cho người nam giới tên M1 tại thôn ĐV, xã TN, huyện TL, tỉnh HN. Trên đường đi giao số pháo trên, Lê Thị N1 bị lực lượng Công an huyện TL kiểm tra phát hiện, thu giữ vật chứng. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra còn thu giữ tại nơi ở của Đỗ Văn T1 cất giấu số pháo hoa có trọng lượng 18,8 kg, mục đích để sử dụng và bán kiếm lời. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Buôn bán hàng cấm" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 190 của Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện TL truy tố đối với bị cáo là đúng pháp luật.

[3] Nhận định về tính chất mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Tính chất của vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế được pháp luật bảo vệ, xâm hại đến nền kinh tế, vi phạm pháp luật về hàng cấm, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự, an toàn xã hội. Pháo nổ là một trong các loại hàng cấm đầu tư kinh doanh theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 6 Luật đầu tư số 67/2014/QH13 sửa đổi bổ sung năm 2016. Loại tội phạm này thường xảy ra trong các dịp lễ tết, gây nhiều bức xúc trong nhân dân nên việc đưa bị cáo ra xét xử nhằm tuyên truyền rộng rãi trong nhân dân về tác hại của việc sử dụng các loại pháo nổ, sự nguy hiểm của hành vi phạm tội về mua bán, vận chuyển, tàng trữ hàng cấm. Vì vậy cần phải ra bản án nghiêm, với một hình phạt tương xứng đối với bị cáo mới có tác dụng răn đe, giáo dục đối với bị cáo.

[4] Xem xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo thấy:

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình tố tụng bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, trước khi phạm tội bị cáo bị tai nạn dẫn đến một mắt bị giảm thị lực còn 2/10, gia đình bị cáo có bố vợ là ông Lê Trung Kính đã có công với cách mạng được tặng thưởng Huân chương kháng chiến. Vì vậy bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Sau khi xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết

tăng nặng, có nơi cư trú cụ thể rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung, đồng thời thể hiện tính nhân đạo, sự khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội như đề nghị của đại Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

Hình phạt bổ sung: Tại phiên tòa bị cáo xuất trình đơn trình bày gia đình có hoàn cảnh khó khăn, không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định có xác nhận của chính quyền địa phương, bản thân bị cáo một mắt bị giảm thị lực còn 2/10 (có kết quả khám của Bệnh viện mắt trung ương), nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Trong vụ án này, Lê Thị N1 đã có hành vi mang 03 hộp pháo có khối lượng 4,8kg mang đi bán cho T1, bản thân N1 không được bàn bạc trước và cũng chưa được hưởng lợi. Vì vậy, Cơ quan điều tra không xem xét trách nhiệm hình sự với vai trò đồng phạm với T1 mà đề nghị Chủ tịch UBND huyện TL đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Lê Thị N1 là đúng quy định của pháp luật.

Căn cứ lời khai của Đỗ Văn T1, Cơ quan điều tra đã triệu tập đầu tranh làm rõ tại thôn ĐV, xã TN, huyện TL, tỉnh HN có đối tượng tên là Vũ Bình M1 - sinh năm 1977, tuy nhiên M1 xác định không có quen biết gì với Đỗ Văn T1 và Lê Thị N1, cũng như không hỏi mua pháo của T1. Ngoài lời khai của T1 và N1, không còn tài liệu, chứng cứ nào khác, vì vậy cơ quan điều tra không căn cứ để xem xét trách nhiệm đối với Vũ Bình M1 là phù hợp pháp luật.

[5] Về xử lý vật chứng:

- Đối với số pháo hoa nổ được hoàn trả sau giám định niêm phong trong các thùng cát tông ký hiệu QT01, KT01, KT02, KX01, KX02 là hàng cấm kinh doanh, sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 điện thoại Nokia màu đen, bên trong có lắp 01 sim mạng Viettel được niêm phong trong phong bì ký hiệu QT02 là tài sản hợp pháp của Lê Thị N1 không liên quan đến tội phạm, xem xét trả lại cho Lê Thị N1.

[6] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Đỗ Văn T1, tên gọi khác (Đỗ Văn T2) phạm tội “Buôn bán hàng cấm”.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 190; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự.

- Xử phạt Đỗ Văn T1 (Đỗ Văn T2) 18 (Mười tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 (Ba mươi sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Đỗ Văn T1 (Đỗ Văn T2) cho Ủy ban nhân dân xã YT, huyện YY, tỉnh ND nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 điều 69 Luật thi hành án hình sự.

2. Xử lý vật chứng. Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy toàn bộ số pháo hoa nổ được hoàn trả sau giám định niêm phong trong các thùng cát tông ký hiệu QT01, KT01, KT02, KX01, KX02.

- Trả lại Lê Thị N1 01 điện thoại Nokia màu đen, bên trong có lắp 01 sim mạng Viettel được niêm phong trong phong bì ký hiệu QT02.

(Chi tiết vật chứng như trong Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 07/6/2018 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện TL với Chi cục Thi hành án Dân sự huyện TL).

3. Án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo Đỗ Văn T1 (Đỗ Văn T2) phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án: Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh HN;
- VKSND tỉnh HN;
- VKSND huyện TL;
- Công an huyện TL;
- Chi cục THA DS huyện TL;
- Sở Tư pháp tỉnh HN;
- Cổng thông tin điện tử của Tòa án;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Quốc Huy